

## VỀ MỘT SỐ GIÁ TRỊ NỔI BẬT CỦA

## THÀNH NHÀ HỒ

(Thanh Hóa)

PGS.TS. NGUYỄN QUỐC HÙNG\*

1. Kể từ khi được xây dựng vào mùa xuân năm Đinh Sửu (1397), thành Nhà Hồ đến nay (2008) đã có 621 năm tuổi. Hơn sáu thế kỷ trôi qua, dù bị sự lãng quên và sự tàn phá của con người và thiên nhiên, thời gian, những bức tường đá vẫn tồn tại "trơ gan cùng tuế nguyệt". Một tòa cổ thành trơ trụi, minh chứng của một kinh đô phồn thịnh, vốn rất ngắn ngủi, giống như số phận của vương triều tạo dựng nên nó - vương triều nhà Hồ. Một vương triều tồn tại vắn vỏi có 7 năm, nhưng đã để lại nhiều dấu ấn khó phai trong lịch sử dân tộc với những cái cách kinh tế, xã hội, giáo dục độc đáo. Một vương triều nằm trong buổi mặt Trần, đầy nhạ cảm, đất nước đang cần những chuyển đổi mạnh mẽ, lòng người phân tán, đa số bị sự níu kéo của những tư tưởng hủ cố, bảo thủ. Cái mới chưa đơm hoa, kết trái, cái cũ còn hằn nguyên trong tư duy, ứng xử, thói quen hành động. Thời khắc dễ bị tổn thương của quốc gia, dân tộc đã được những kẻ đối lập và quân xâm lược lợi dụng triệt để. Đất nước rơi vào tay giặc ngoại bang, vương triều Hồ đã mang tiếng xấu cướp ngôi lại

mang thêm nỗi nhục để mất nước. Một vương triều như thế chịu nhiều hắt hủi của những quan niệm giá trị thời quân chủ là điều dễ hiểu. Khi một vương triều bị ruồng bỏ, những gì thuộc về nó cũng bị lãng quên, thành nhà Hồ - một di sản tiêu biểu của đất nước, một thành quả lao động, sáng tạo tuyệt vời của quần chúng nhân dân lao động cuối thế kỷ XIV cũng không ngoại lệ.

Ấy là chuyện ngày xưa, ngày nay khi đứng trước tòa thành bằng đá kỳ vĩ, và kỳ lạ, độc nhất vô nhị của đất nước, nghiền ngẫm những dòng ghi chép ít ỏi về tòa thành, nhiều nhà nghiên cứu, học giả đã bày tỏ sự khâm phục trước tài năng sáng tạo của tổ tiên, cùng những băn khoăn, hoài nghi về những ghi chép của các sử gia xưa về thời gian xây thành chỉ trong một thời gian quá ngắn ngủi. Bằng cách nào người xưa đã dựng lên một tòa thành lớn như vậy trong điều kiện lao động thủ công? Những sự hoài nghi ấy sẽ còn và chỉ càng làm cho giá trị của tòa thành ngày một tăng thêm cùng thời gian, qua các công trình nghiên cứu về nó. Trong lịch sử phát triển của nhân loại, không ít công trình của người xưa đã để lại những câu hỏi chưa có lời

\* PHÓ CỤC TRƯỞNG  
CỤC DI SẢN VĂN HÓA

đáp tương tự như vậy, kim tự tháp Ai Cập là một ví dụ như thế.

Khảo sát những tòa thành xây dựng ở các kinh đô của nước ta từ xưa đến nay còn lại, hoặc được sử sách, truyền thuyết ghi chép trên chiều dài lịch sử vài nghìn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc. Chúng ta nhận ra rằng, việc dời đô, xây thành diễn ra không ít. Từ kinh đô Văn Lang thời các vua Hùng ở tỉnh Phú Thọ, kinh đô Cổ Loa (Hà Nội) thời An Dương Vương (làm vua năm 257 trước Công nguyên), rồi kinh đô Hoa Lư (Ninh Bình) của các triều vua Đinh, tiền Lê thế kỷ X, Thăng Long thời Lý - Trần (1010 - 1400) và thời hậu Lê (1428 - 1802), qua kinh đô Huế (1802 - 1945), rồi về Hà Nội - đất Thăng Long xưa (từ 1945 đến nay).

Những tòa thành ở các kinh đô cũ còn lại đến ngày nay không nhiều, hầu hết ở dạng phế tích, chỉ còn ba tòa thành tương đối nguyên vẹn, người bình thường cũng có thể nhận ra mà không cần đến các nhát cuốc khảo cổ học là thành Cổ Loa, thành nhà Hồ và kinh thành Huế. Quan sát dấu vết các tòa thành cổ đó, điểm đập vào mắt chúng ta từ cái nhìn đầu tiên chính là sự phong phú, đa dạng của các tòa thành, sự khác nhau về dáng vẻ, cấu trúc, chất liệu và quy mô của mỗi công trình. Nếu như thành Cổ Loa được đắp bằng đất là chủ yếu, thành Huế được xây bằng gạch, thì thành Nhà Hồ nổi tiếng nhờ các bức tường xây bằng đá. Thành Cổ Loa ban đầu mang thuần phong cách xây thành của Việt Nam thông qua việc kết hợp giữa địa hình thiên nhiên với sự gia cố thêm của con người. Thành Thăng Long, thành nhà Hồ có sự kết hợp giữa phong cách xây thành của người Việt với cách thức dựng thành của các nước Đông Á, lấy hướng Nam là hướng chính, các công trình xây dựng trong thành quay về trục Bắc Nam. Thành Huế lại mang phong cách kiến trúc kiểu VauBan kết hợp với phong cách xây thành Đông Á (hầu hết các tòa thành xây vào thời Nguyễn ở nước ta đều mang phong cách này). Như vậy, cùng là những tòa thành được xây tại kinh đô, nhưng mỗi thành mỗi vẻ, mỗi thành đều mang dấu ấn của thời đại và tiêu biểu cho từng loại hình kiến trúc xây thành của nước ta.

Trở lại với thành nhà Hồ (còn có các tên gọi khác: thành Tây Đô, thành Tây Giai,

Thạch Thành). Sử cũ cho biết, việc xây thành Tây Đô được thực hiện từ tháng giêng đến tháng 3 năm 1397 thì xong. Ngay từ lúc ấy, thành đã có quy mô khá lớn gồm: thành và hào, nhà Tông Miếu, đàn Xã Tắc, đường phố. Vừa mới ra đời, thành đã được coi là một công trình kiến trúc hoành tráng, kỳ vĩ, và hấp dẫn. Vì thế, một năm sau khi hoàn thành năm 1398, Hồ Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại Vương liền mở cửa cho phép con trai, con gái dạo xem, thưởng ngoạn vẻ đẹp của thành ở cửa Nam cả ngày lẫn đêm. Trải hơn 600 năm, nay đến thăm khu vực thành, khách thăm vẫn còn bắt gặp nhiều hạng mục công trình kiến trúc hoành tráng, hấp dẫn.

2. Những hạng mục công trình còn lại đến ngày nay của thành cho thấy, thành có giá trị nổi bật về nhiều mặt. Trước tiên, sự hiện diện của thành tiêu biểu cho kiểu xây dựng thành độc đáo, đại diện cho loại hình kiến trúc kinh đô trong giai đoạn cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV ở Việt Nam nói riêng, Đông Á và nhân loại nói chung. Khu vực Tây Đô có sự kết hợp giữa tòa thành là nơi ở và làm việc của triều đình, đường phố là nơi làm ăn, buôn bán của thị dân trong mối quan hệ thành/đô - thị của kiến trúc kinh đô phương Đông. Quần thể di tích cho thấy sự độc đáo trong việc chọn đất, chọn hướng và bố trí các công trình. Công trình xây dựng này có giá trị cao về kiến trúc, quy hoạch và kỹ thuật xây dựng. Tại đây chúng ta nhận ra một quần thể kiến trúc nổi bật bởi sự kết hợp hài hòa giữa địa hình, môi trường cảnh quan với các hạng mục kiến trúc. Sự phân bố tự nhiên của hai vòng thành, các công trình kiến trúc phụ trợ tạo thành một quần thể kiến trúc có giá trị tiêu biểu. Hệ thống sông núi bao quanh những kiến trúc do con người tạo dựng, làm nên ấn tượng kỳ vĩ về một quần thể kiến trúc ngoại hạng từ cuối thế kỷ XIV - đầu thế kỷ XV.

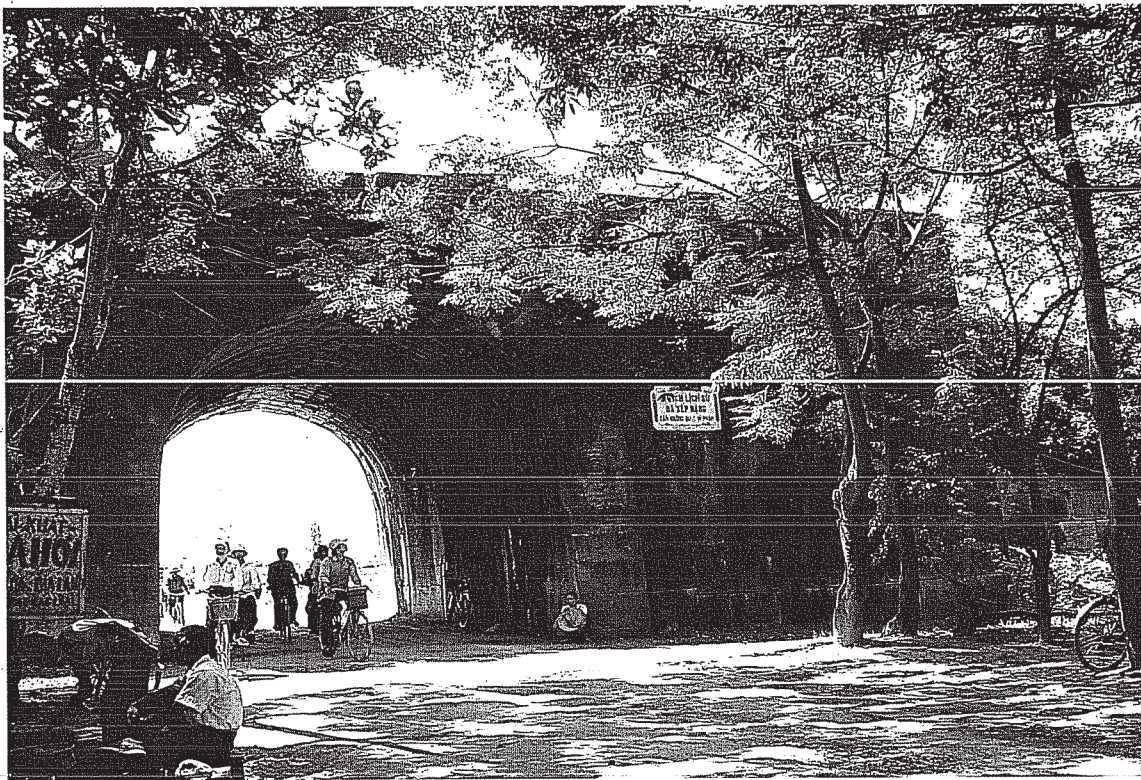
Đến di tích, chúng ta dễ dàng nhận thấy vòng thành trong (cấm thành) có hình gần vuông, xây dựng bằng đá ở mặt ngoài, phía trong được gia công thêm bằng đất, sỏi, có gia cố thêm bằng gạch. Kích thước của các bức tường thành đo được như sau: cạnh phía Nam dài: 877,1m; cạnh Bắc dài: 877m; cạnh Đông dài: 879,3m; cạnh phía Tây dài: 880m. Tường thành có độ cao trung bình từ 5 đến 6 m, cá

biệt có nơi cao tới 10 mét, rộng khoảng 3 mét. Diện tích trong thành nội khoảng 52,8 ha. Hiện tại, xã Vinh Long quản lý 13,2 ha, xã Vinh Tiến (đều thuộc huyện Vinh Lộc - Thanh Hóa) quản lý phần còn lại là 39,6ha. Thành có 4 cửa mở ra 4 phía, các cửa đều mở ở giữa các bức tường thành, trong bốn cửa, duy nhất cửa phía Nam có ba cổng vòm, các cửa còn lại đều chỉ có một cổng vòm. Các cửa có quy mô, kích thước hiện trạng như sau: Cửa-Nam (còn gọi là cổng tiền) chệch về hướng Tây Nam 30 độ, chiều cao 8,600m x chiều dài 34,750m x chiều sâu 15,355m. Cửa này có ba cổng vòm cuốn, vòm cổng giữa cao 5,495m x rộng 5,815m x sâu 15,355m. Hai cổng bên bằng nhau, cao 5,125m x rộng 5,45m x sâu 15,355m. Cửa Bắc (còn gọi là cửa hậu) chệch hướng Đông 30 độ, chiều cao 8,190m x dài 21,365m x sâu 13,445m, chiều cao vòm cổng có độ cao là 5,40m x rộng 5,80m. Cửa Đông (còn gọi là cửa Tả), xây theo kiểu vòm cuốn, mỗi cửa cao 6,005m x dài 21,165m x sâu 13,130m. Cửa Tây xây tương tự cửa Đông, mỗi cửa cao 6,460m x dài 21,360m x sâu

Nguyễn Quốc Hùng: Về một số giá trị nổi bật của...

13,235m. Phần phía bên trên cổng thành phía Nam và phía Bắc trước kia có vọng lâu làm bằng gỗ.

Bên trong tường thành, theo mô tả của sử sách, trước kia có nhiều công trình xây dựng phục vụ cho hoạt động của vương triều như: điện Hoàng Nguyên (nơi vua ngự triều), cung Nhân thọ (chỗ ở của Hồ Quý Ly), Đông Cung (nơi ở của Hồ Hán Thương con Hồ Quý Ly), cung Phù Cực (nơi ở của Hoàng hậu - vợ Hồ Hán Thương), Đông Thái Miếu (nơi thờ tông phái họ Hồ), Tây Thái miếu (nơi thờ họ ngoại là Trần Minh Tông, Trần Nghệ Tông. Các cung của hoàng tộc, nhà kho, trại lính, nhà ngục, gò Đền, ao Vôi, ao Gạo, ao Vàng. Các kiến trúc nêu trên được làm bằng gỗ, gạch, ngói... truyền thống, một số được lấy từ các cung điện ở Thăng Long đem vào. Theo năm tháng, phần trên mặt đất của các công trình xây dựng nêu trên đã bị hư hại, chỉ còn nền móng nằm dưới mặt đất. Dấu vết kiến trúc cho thấy, các công trình kiến trúc trong thành bố trí dọc theo con đường chính đạo theo hướng Bắc - Nam. Hiện nay trên đường này còn lưu



Cổng thành nhà Hồ (Thanh Hóa) - Ảnh: Tác giả

lại đôi rồng đá mang phong cách điêu khắc cuối thế kỷ XIV.

Bên cạnh vết tích của các cung điện, trong thành còn có 4 hồ lớn ở bốn góc thành để lấy nước sinh hoạt là: hồ Dục Thúy ở góc Tây Bắc, hồ Bơi Chải ở Tây Nam, hồ Bán Nguyệt phía Đông Bắc và hồ Dục Tượng nằm ở góc Đông Nam. Phía ngoài tường thành nội có một con hào lớn bảo vệ, ngăn sự tấn công từ bên ngoài vào. Hiện nay tuy hộ thành hào đã bị lấp cạn nhưng vẫn còn nhận ra vết tích. Hào được đào cách chân tường thành đá khoảng 50m, độ rộng trung bình 10m, sâu 3m.

Vòng thành ngoài (La thành) được xây dựng, gia cố dựa theo địa hình tự nhiên, cách vòng trong khoảng 1 - 3 km, từ núi Đốn đến núi Hắc Khuyển, qua núi Bèo, tới hang Ma, Đồi Cốc, Án Đổ. Vòng thành này dựa trên địa hình tự nhiên sẵn có, người xưa chỉ gia cố thêm một số đoạn, nơi thì đắp đất, nơi trồng tre, nối liền những dãy núi, con sông sẵn có. Những đoạn thành đắp có chiều cao trung bình 3m, chân thành rộng khoảng 4m. Thân thành đắp bằng đất trộn cát sỏi và trồng tre.

Cùng với những di tích mô tả ở trên, trong quần thể di tích thành nhà Hồ còn có một số công trình xây dựng liên quan, được sử sách và dân gian lưu truyền, tạo thành quần thể di sản. Các di tích này được thư tịch cổ và truyền thuyết kể lại như: Hệ thống đường sá nối liền thành nhà Hồ và các nơi, đàn Xã Tắc, đàn Thần và đàn Nam giao ở khu vực núi Đốn (Đốn sơn). Vừa đắp thành, đào hào, xây dựng các công trình trong quần thể di sản thành nhà Hồ, các kiến trúc sư thời ấy còn cho đào một con sông đào từ thành ra sông Mã để thoát nước, phòng ngập lụt cho kinh thành. Hơn sáu thế kỷ trôi qua, nhưng vết tích và truyền thuyết quanh việc đào sông vẫn còn in sâu trong trí nhớ của người dân trong vùng, đó là Mau An Tôn, nằm trên cánh đồng của làng Mỹ Xuyên và làng Phú Yên ngày nay.

Với diện mạo kiến trúc như trên, toàn bộ tòa thành trong được ví như một đài bia tưởng niệm, tạo nên sự uy nghi, tráng lệ trước mắt mọi người. Thành nổi bật giữa cánh đồng lúa, trong một cảnh quan đẹp, tạo nên phong cách lịch sử văn hóa tiêu biểu không chỉ của thế kỷ XIV mà trong cả nền kiến trúc Việt Nam. Kiến trúc còn lại cho thấy, thành là di tích được kiến

tạo bằng đá hùng vĩ lớn nhất trong toàn bộ kiến trúc Việt Nam từ xưa đến nay.

Nếu dáng vẻ bề ngoài của thành nhà Hồ là một ví dụ nổi bật về kiểu công trình xây dựng và kiến trúc thành thời cổ đại, thì kỹ thuật xây dựng tiềm ẩn bên trong công trình lại là một khía cạnh độc đáo khác của di sản. Đối với thành nhà Hồ việc mô tả kiến trúc đơn giản hơn nhiều so với việc nhận biết kỹ thuật xây dựng thành. Những thao tác kỹ thuật từ khâu khai thác đá, vận chuyển, cưa cắt đá đến việc xây dựng công trình dù đã có nhiều giả thiết, nhưng hầu như vẫn còn là một ẩn số nguyên vẹn, đặc biệt bí ẩn đối với kỹ thuật khai thác đá.

Về việc vận chuyển những khối đá lớn từ nơi khai thác về xây thành, truyền thuyết tại địa phương mách ta hai cách sau: Cách thứ nhất: Người ta đã cho xây một tuyến đường từ nơi lấy đá về, mặt đường rộng khoảng 5m, nền đầm kỹ, trên lát bằng những phiến đá phẳng, mỗi phiến dài từ 1m đến 1,5m dày từ 0,2m đến 0,3m (hiện vẫn còn vết tích tuyến đường ở thôn Tây Giai) từ bến đá về cổng Tây. Để vận chuyển các phiến đá, người xưa xếp các con lăn bằng gỗ cứng và bi đá. Chiều dài con lăn từ 1,5m đến 4m, đường kính từ 0,2 m đến 0,3m. Người dân địa phương mô tả: cứ 10 con lăn ngắn lại xếp 1 con lăn dài. Hai đầu con lăn dài được đóng cọc ghim chắc, xen giữa các con lăn có rải những viên bi đá, các viên bi này được chế tác kích thước đường kính bằng các con lăn. Các phiến đá được đặt trên các con lăn. Các phiến đá nhỏ dùng người kéo, phiến nặng hơn dùng trâu bò kéo. Những phiến nặng hàng chục tấn dùng voi kéo. Người và vật kéo đi hai bên đường để không dẫm lên con lăn. Hỗ trợ cho lực lượng này là các dân phu, thanh niên trai tráng dùng đòn xeo đi hai bên để lái cho viên đá đi đúng lòng đường; Cách thứ hai dùng loại "cộ", một loại xe 4 bánh trên có sàn do người hoặc trâu, voi, ngựa kéo để chuyên chở các phiến đá có kích thước nhỏ hơn.

Mỗi bức tường mặt ngoài các mặt Đông, Tây và Nam được xây bằng 7 hàng đá xếp ngang, hai hàng đá chìm dưới đất, làm thành móng, 5 hàng nổi trên mặt đất, kích thước trung bình của 5 lớp đá nổi trên mặt đất kể từ trên xuống là: 0,4m; 0,6m; 0,8m; 1m; 1,1m.

Thực tế cho thấy, bên cạnh lớp đá bên ngoài người xưa còn chèn nanh sấu nhiều lớp đá không đẽo gọt ở bên trong chặn nối tiếp nhau vào sâu khoảng 4m. Giữa các khoảng trống của những viên đá này đổ đá dăm trộn chất kết dính làm cho các viên đá liên kết với nhau rất chắc chắn. Phía trong bức tường đá được gia cố thêm bằng đất trộn sỏi, cát đầm kỹ theo từng lớp khoảng 0,7m - 0,8m, trên rải một lớp cát sỏi mỏng, bên trong chèn bằng đá mỗ cỏi tạo thành phần tường thành phía trong rất vững chắc. Phần tường đất phía trong được đắp thoải thoải, ốp vào gia cố thêm cho phần tường đá và tạo ra sự dễ dàng lên xuống cho người ở trong thành.

Đáng chú ý các lớp đá phía ngoài các cổng thành khớp vào nhau theo hình chữ công nên rất chắc chắn. Đá xây thành được đẽo gọt rất kỳ công với kỹ thuật điêu luyện, các phiến đá đều rất phẳng. Theo sách sử cho biết, trước kia nhà Hồ còn cho xây thêm bằng gạch vồ (kích thước: 0,35mx 0,25mx 0,9m), nhiều viên có dấu in tên địa phương sản xuất. Trong quá trình nghiên cứu, sưu tầm cán bộ bảo tồn di sản tại Thanh Hóa đã phát hiện, thu thập được các viên gạch có in nổi địa danh nơi sản xuất. Nhiều địa danh thuộc huyện Vĩnh Ninh thời Trần (nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa) như: "Vĩnh Ninh, An Định xã", "Vĩnh Ninh, Trần Xá xã", "Vĩnh Ninh, Khang Xá xã", "An Tôn Thượng xã"....

Để làm các cổng vòm ở các cửa thành, có thuyết cho rằng, khi thi công phần cổng ngoài, có thể người xưa đã sử dụng các biện pháp ướm, thử và đắp đất, cát sỏi làm cốt để xây cổng thành, khi xây xong cổng thành mới moi đất ra. Hiện nay đến thành chúng ta thấy cổng thành được làm theo thể chân choãi (hình thang), dưới rộng trên thu dần, tạo nên những cổng thành rất vững chãi.

Dẫu còn có nhiều giả thuyết về việc xây thành, mọi người, dù khó tính đến đâu cũng phải công nhận đây là công trình kiến trúc có kỹ thuật điêu luyện. Các nhà xây dựng xưa đã vượt qua những hạn chế về khoa học công nghệ, chỉ bằng lao động thủ công và những tri thức, kỹ thuật truyền thống đã tiến hành khai thác vật liệu ở những nơi khó khăn, nhất là việc khai thác đá, chế tác và vận chuyển về xây thành. Những khối đá lớn đã được gia

công và lắp dựng một cách hoàn hảo. Có thể khẳng định, thành nhà Hồ không chỉ là một kiến trúc đá lớn nhất Việt Nam mà còn là một công trình kiến trúc có kỹ thuật điêu luyện và phong cách kiến trúc riêng biệt. Ba trong bốn mặt thành được lắp bằng những viên đá có kích thước lớn. Một số khối đá xây các cổng thành đo không dưới 7m chiều dài, chiều cao từ 1mét đến 1mét 50 và nặng khoảng 16 tấn. Những viên đá có hình thang cân, hình thang lệch và hình thang vuông lắp lại với nhau một cách chính xác tuyệt đối tạo nên những bức tường phẳng thẳng đứng. Những bức tường thành như thế về mặt quân sự gây khó khăn lớn cho việc tấn công từ bên ngoài vào. Sự hoàn hảo của kỹ thuật gọt đẽo, lắp ghép các khối đá chứng tỏ tài năng kỹ thuật của các kiến trúc sư và thợ thời đó rất cao. Điều đó cho thấy, việc tổ chức và quản lý thi công đã đạt đến trình độ rất cao.

Không chỉ có giá trị lớn về quy hoạch, kiến trúc, kỹ thuật xây dựng, do lấy hai con sông Mã và sông Bưởi làm chỗ dựa và được bao bọc bởi một hệ thống đồi núi. Khu vực thành nhà Hồ, do bàn tay của con người trở thành một cảnh quan văn hóa rất hấp dẫn, tiêu biểu cho một giai đoạn lịch sử kiến trúc của dân tộc. Mối quan hệ giữa kiến trúc và môi trường không chỉ thể hiện ở sự hài hòa giữa tòa thành với cảnh quan xung quanh, mà còn ở chỗ vật liệu xây thành chủ yếu được khai thác tại địa phương.

3. Qua việc lựa chọn vị trí, quy mô kiểu dáng và các hạng mục trong khu di sản, chúng ta thấy, thành là một biểu hiện vật chất nổi bật về sự giao lưu giữa các nền văn hóa ở vùng Đông Á trong quá khứ. Những di tích còn lại tại khu vực Tây Đô cho phép chúng ta đánh giá, đây là một quần thể kiến trúc thể hiện sự giao lưu, tiếp thu có chọn lọc, các phương thức xây dựng kinh đô từ các nước Đông Á vào hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam. Sự tiếp thu và phát triển cách thức xây dựng được thể hiện trong ý tưởng lựa chọn vị trí mang đôi chút ảnh hưởng của quan niệm phong thủy. Cách quy hoạch mặt bằng bên trong thành, lấy phía Nam làm hướng chính diện, có tuyến trục chính xuyên suốt Nam - Bắc. Các cung điện đều được đặt đối xứng hai bên của trục này theo phong cách kiến trúc Đông Á. Trên mặt

các cổng thành có các vọng lâu làm bằng vật liệu nhẹ tương tự các pháo đài Trung Quốc xưa. Những yếu tố mang ảnh hưởng của kiến trúc thành quách trong vùng Đông Á đó được kết hợp hài hòa với truyền thống xây dựng thành bám vào địa hình tự nhiên của Việt Nam. Điều đó cho thấy, nét nổi bật trong việc tiếp thu những ảnh hưởng từ bên ngoài của nhà Hồ là khá chủ động và khéo léo. Mặt khác, như sử sách cho biết, khi nhà Hồ mất, đã có các nghệ nhân Việt Nam tham gia xây dựng thành Bắc Kinh. Vì vậy, thành nhà Hồ còn có ý nghĩa rất lớn đối với những nghiên cứu truyền bá kỹ thuật kiến tạo thành trì ở Đông Nam Á.

Bên cạnh sự tiếp thu (phần nào đó) cách thức quy hoạch xây dựng thành, sự xuất hiện của các đàn Xã Tắc, đàn Nam Giao để phục vụ việc cúng tế trời đất, cây cối, mùa màng, mong mưa thuận gió hòa, cuộc sống tươi đẹp, hạnh phúc, đất nước bình an... trong khu vực Tây Đô. Những hạng mục kiến trúc thường thấy ở kiến trúc kinh đô của các nước Đông Á như Trung Quốc, Hàn Quốc cũng là những minh chứng sinh động cho sự hội nhập các giá trị văn hóa quan trọng.

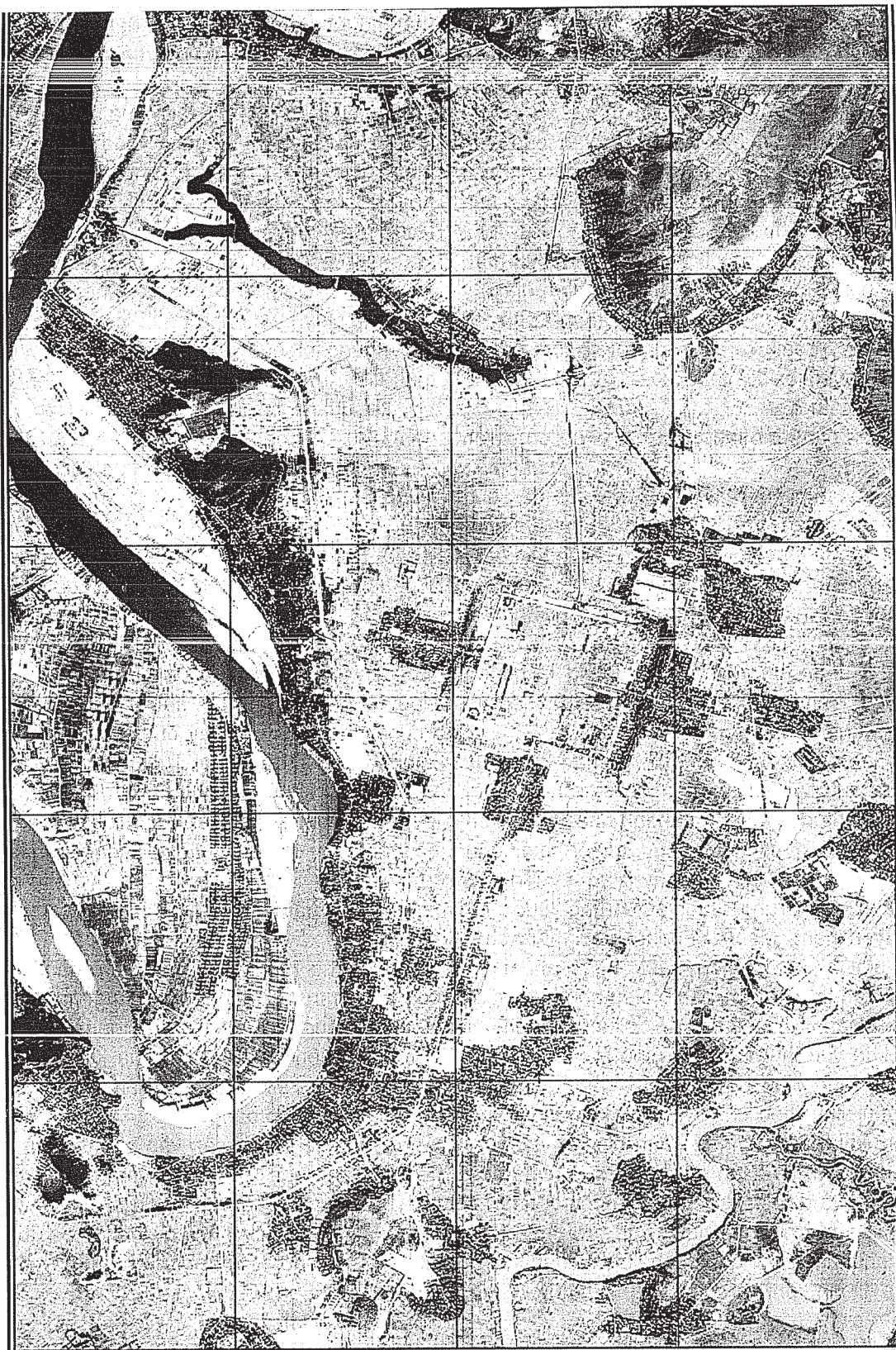
Song song với những công trình kiến trúc phản ánh sự tiếp thu các giá trị văn hóa nổi trội, thông qua kiến trúc thành nhà Hồ, truyền thuyết trong vùng còn lưu truyền một câu chuyện tương tự việc xây Vạn Lý Trường Thành của Trung Quốc. Ở Trung Quốc có chuyện nàng Mạnh Khương gieo mình chết khi biết chồng mình đã mất trong lúc tham gia xây Vạn Lý Trường Thành. Nếu như nước mắt nàng Mạnh Khương làm đổ cả tường thành, thì tại khu vực thành nhà Hồ lưu truyền chuyện nàng Bình Khương đập đầu vào tường đá quyền sinh theo chồng mình là chàng Cống sinh, khi thấy chồng bị hành hình vì việc xây thành chậm trễ. Hòn đá nơi nàng đập đầu có vết lõm và dấu hai bàn tay vẫn còn đến ngày nay. Để ghi nhớ tấm lòng của bà, nhân dân địa phương đã lập đền thờ bà ở sát chân thành phía Đông, phía trước dựng 2 tấm bia thờ Cống sinh.

4. Như trên vừa thoáng thấy, thành nhà Hồ với quy mô kiến trúc hoành tráng, là một công trình xây dựng lớn, phức tạp vào bậc nhất trong các kiến trúc cổ của Việt Nam. Những

khối đá lớn, đồ sộ được sử dụng để xây cổng thành, tường thành được xếp đặt rất cẩn chu, được cắt gọt phẳng phiu, trên một địa hình không mấy ổn định. Tòa thành được xây dựng trong điều kiện kỹ thuật thủ công thô sơ, dùng sức người là chính, lại được hoàn thành trong một thời gian rất ngắn. Điều đó cho thấy tài năng của các kiến trúc sư Việt Nam thời kỳ đó. Những kiến trúc sư kiệt xuất ấy, họ là ai? Theo sử sách chép lại, chúng ta biết tên vị quan thượng thư Đỗ Tĩnh (có sách chép là Mẫn) được Hồ Quý Ly cử phụ trách việc xây thành, còn những ai nữa góp phần làm nên công trình kiến trúc vĩ đại này? không rõ! Chỉ biết, sau khi quân nhà Minh chiếm Việt Nam vào năm 1407 đã bắt rất nhiều nhân sĩ trí thức, những người tài giỏi của Việt Nam sang Trung Quốc làm việc cho nhà Minh, Trong số những người bị đưa sang Trung Quốc lúc đó có một vị kiến trúc sư tên là Nguyễn An. Sách của Trung Quốc và sách của Việt Nam xưa viết về ông rất ít, nhưng đã không ngớt ca ngợi tài năng, đức độ của ông. Các sách *Hoàng Minh thông kỷ* và *Kinh thành ký thắng* cho biết, Nguyễn An giỏi về mưu mẹo tính toán, rất sở trường về công việc xây dựng, đã được vua Minh Thành tổ trao chức Thái giám phụ trách việc sửa lại kinh thành Bắc Kinh hồi đầu thế kỷ XIV. Một nhân tài kiến trúc như vậy, người đã từng tham gia xây dựng các công trình kiến trúc của nhà Trần, bị bắt về phục vụ cho nhà Minh, chắc hẳn không thể bị bỏ qua khi Hồ Quý Ly cho xây thành nhà Hồ.

Dù chúng ta có xác định được danh tính của vị kiến trúc sư tài ba xây dựng thành nhà Hồ hay không thì kiến trúc của thành cũng đã cho thấy thiên tài sáng tạo của kiến trúc sư Việt Nam thời xa xưa, ngay từ lần đầu tiên xây một tòa thành lớn bằng đá.

5. Trong số các di sản văn hóa do nhà Hồ để lại, thành nhà Hồ là minh chứng độc đáo nhất về dấu ấn của văn hóa Đại Việt ở cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV, dấu nhấn tiêu biểu của một giai đoạn tuy ngắn nhưng đầy biến động của lịch sử Việt Nam. Chính quyền nhà Hồ đóng đô tại đây chỉ trong một thời gian ngắn nhưng đã đề ra nhiều chính sách mới làm tiền đề cho sự phát triển đất nước sau này. Những sự đổi mới về tiền tệ, quân sự, văn hóa, các chính sách mới về đất đai (hạn điền),



Không ảnh thành nhà Hồ (Thanh Hóa) - Ảnh (nguồn): Tác giả

về nông nô (hạn nô), thi cử, đo lường.v.v. Thành là trung tâm hành chính, chính trị của một vương triều đồng thời là một công trình kiến trúc quan trọng của đất nước để đối phó với chiến tranh chống ngoại xâm dưới triều nhà Hồ (trị vì đất nước từ 1400 - 1407). Những cải cách của Hồ Quý Ly đã được các nhà nghiên cứu của Việt Nam và quốc tế đánh giá cao, như một thành tựu nổi bật ở cuối thế kỷ XIV đầu thế kỷ XV trong lịch sử nước ta. Năm tháng đã đi qua, nhưng tòa thành do người "Anh hùng di hận kỷ thiên niên" - (thơ Nguyễn Trãi) và tổ tiên ta để lại vẫn còn tương đối toàn vẹn là một bằng chứng nổi bật phản ánh về quyền lực phong kiến Việt Nam vào đầu thế kỷ XV. Tiếc rằng, những cải cách đó mới bắt đầu thì bị đứt quãng do sự xâm lược của giặc phương Bắc. Để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến, nhà Hồ đã cho dựng thành tại An Tôn gần quê hương để chuyển kinh đô từ Thăng Long (Hà Nội) về, đồng thời cho xây dựng nhiều thành trì ở các địa phương trong cả nước để tổ chức kháng chiến. Cuộc kháng chiến đến năm 1407 thì thất bại. Quân Minh (Trung Quốc) bắt cha con Hồ Quý Ly đưa sang Trung Quốc cùng với nhiều quan lại, nhân sĩ trí thức khác. Đất nước rơi vào tay ngoại bang, công cuộc cải cách theo đó cũng bị chấm dứt.

Thời gian trôi đi đã hơn sáu thế kỷ, vật đổi sao dời, tòa thành còn đó, vẫn "trơ gan cùng tuế nguyệt", là vật chứng sống về một hiện tượng trong văn hóa Việt Nam. Bằng chứng về một vương triều tuy tồn tại ngắn ngủi, nhưng những thành tựu về văn hóa để lại đã ghi dấu ấn sâu đậm trong lịch sử dân tộc. Những thành tựu đó chính là cầu nối giữa văn

hóa của các giai đoạn lịch sử trước thế kỷ XV và các giai đoạn sau này. Một trong những dấu ấn văn hóa nổi bật còn lại đến ngày nay chính là thành nhà Hồ, một thành quả lao động sáng tạo kiệt xuất do người xưa để lại. Về phần mình, thành nhà Hồ như tên gọi của nó là bằng chứng có giá trị nổi bật về một thời đã qua.

N.Q.H

#### **Tài liệu tham khảo:**

- 1- Viện Khoa học xã hội Việt Nam, *Đại Việt sử ký toàn thư*, Dịch theo bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Tập II, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1998.
- 2- Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, Tập. 2, Nxb. Thuận Hóa, 1997.
- 3- L.Berzacier, *L'Art Vietnamien. édition de L'Union Francaise 3, Rue BlaiseDesgoffe-Paris-vi-1954- L'Art et les constructions millitaires annamites - Bulletin des Amis du Vieux Huê*, no4, oct-dec, 1941.
- 4- Đỗ Văn Ninh, *Thành cổ Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, H. 1983
- 5- TaKaSe Yoichi, *Việc xác lập các mốc đánh dấu đo đạc, đo đạc vị trí các mốc đánh dấu và đo đạc địa hình hiện trạng. Nghiên cứu thành nhà Hồ Việt Nam- Nghiên cứu Khảo cổ học và tu bổ phục hồi các di tích lịch sử thành nhà Hồ (Việt Nam) thế kỷ 15*, tiếng Nhật và tiếng Việt, Cúc Trì Thành, Tập 1, 2005.
- 6- Phan Huy Chú, *Hoàng Việt địa dư chí*, Nxb. Thuận Hóa, 1997.
- 7- TaKase Yoichi, *Về tu sửa thành nhà Hồ tại tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam*, Tài liệu lưu trữ tại Cục Di sản văn hóa.
- 8- Kikuchi, *Giá trị và ý nghĩa học thuật của thành nhà Hồ*, tài liệu lưu trữ tại Cục Di sản văn hóa.
- 9- Lê Quý Đôn *toàn tập*, Tập II, Kiến văn tiểu lục, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1977, Tr. 255 - 257.

#### **ASSOCIATE PROF. DR. NGUYỄN QUỐC HÙNG: THE OUTSTANDING VALUES OF THE HỒ CITADEL, THANH HÓA PROVINCE**

Located in Vĩnh Lộc District, Thanh Hóa Province, the Hồ Dynasty Citadel was built in the first three months of 1397. This is the ever-largest marble construction in Vietnam. The citadel's architecture bears a strong hallmark of Vietnamese traditional style, in combination with that of East Asian urban cities. More than six centuries have passed by, the citadel remains mostly intact. Generations of researchers have puzzled themselves with the question how such a magnificent and perfect stone work was built only by manual tools within a short period of time. The article highlights outstanding values of the citadel as a Vietnamese architectural masterpiece in the late 14th and early 15th Centuries.